TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
……
Bản án số: **05**/2024/HNGĐ - ST
Ngày 05 tháng 02 năm 2024
"V/v: Tranh chấp ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
……

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phan Lan Hương**
Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Đào Phương Mai**
Bà Đào Tuyết Thanh
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai
Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên tòa:
- Bà Nguyễn Huyền Trang - *Kiểm sát viên*

Trong ngày 05 tháng 02 năm 2024, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 07/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024 về việc: "Tranh chấp Ly hôn" - theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc Á, sinh năm 1993**; Hộ khẩu thường trú và hiện ở: Tổ A, phường P, Thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. *Có mặt tại phiên tòa.*

*** Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân Đức N**, **sinh năm 1985**; Hộ khẩu thường trú: Số D T, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội. Hiện đang cai nghiện tại cơ sở cai nghiện số 5 Hà Nội. *Vắng mặt tại phiên tòa.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo Đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Á trình bày:***

Quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Xuân Đ Nhân tìm hiểu tự nguyện, có cưới hỏi, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, H, Hà Nội ngày 13/3/2018. Quá trình chung sống chị và anh N không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn không thể hòa giải. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình, cách sống không

phù hợp, anh N chơi bời, đánh bài bạc, không quan tâm đến chị dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung nên cuộc sống không hạnh phúc. Chị và anh N đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2018 đến nay. Hiện nay anh N đang đi cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số E Hà Nội - địa chỉ F P, phường X, quận N, Thành phố Hà Nội. Chị xác định đến nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung được với nhau và không có biện pháp để vợ chồng hạnh phúc, hòa thuận nên vợ chồng đã thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa hai anh chị.

Về con chung: Chị và anh N không có con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung gồm động sản và bất động sản: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về vay nợ chung: Chị và anh N không cùng vay nợ ai, không ai nợ vợ chồng anh chị, chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

**** Bị đơn - anh Nguyễn Xuân Đưc N1 trình bày:***

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho anh Nguyễn Xuân Đ Nhân tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 5 Hà Nội - địa chỉ 614 P, X, quận N, thành phố Hà Nội. Theo Bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 12/01/2024 tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 5 Hà Nội, anh N1 trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Về thời gian và điều kiện kết hôn như chị Á trình bày là đúng. Quá trình chung sống anh và chị Á không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn không thể hòa giải. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình, cách sống không phù hợp dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung nên cuộc sống không hạnh phúc. Anh và chị Á đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2018 đến nay. Hiện nay anh đang đi cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 5 Hà Nội - địa chỉ 614 P, X, quận N, Thành phố Hà Nội. Anh xác định đến nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung được với nhau và không có biện pháp để vợ chồng hạnh phúc, hòa thuận nên vợ chồng đã thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh và chị Á.

Về con chung: Anh và chị Á không có con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung gồm động sản và bất động sản: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về vay nợ chung: Anh và chị Á không cùng vay nợ ai, không ai nợ vợ chồng anh chị, anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn - chị Á vẫn giữ nguyên các yêu cầu đã trình bày trên.

Bị đơn - anh N1 đồng ý ly hôn, nhưng anh N1 đang đi cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số E Hà Nội, địa chỉ: F P, X, quận N, Thành phố Hà Nội nên đề nghị Toà xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng, tiến độ giải quyết vụ án và thời gian chuyển hồ sơ để Viện kiểm sát nghiên cứu; Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc Á và anh Nguyễn Xuân Đức N. Về con chung: Anh N và chị Á không có con chung, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về tài sản chung gồm động sản và bất động sản: Anh chị trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về công nợ chung: Anh chị trình bày không vay nợ ai, không ai nợ anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và của đại diện Viện kiểm sát, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Ngọc Á có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn đối với anh Nguyễn Xuân Đức N. Do đó, đây là vụ án tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Xuân Đức N hiện đang đi cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số E Hà Nội, địa chỉ: F P, X, quận N, thành phố Hà Nội, tuy nhiên trước khi đi cai nghiện, anh N có hộ khẩu thường trú và ở tại số D phố T, phường Đ, quận H, Thành phố Hà Nội, theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Bị đơn - Anh Nguyễn Xuân Đức N hiện đang cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số E Hà Nội, địa chỉ: F P, X, quận N, Thành phố Hà Nội và có đơn đề nghị Toà xét xử vắng mặt anh N. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1

Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Toà án xét xử vắng mặt anh N là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1 Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc Á và anh Nguyễn Xuân Đức N tìm hiểu tự nguyện, có cưới hỏi, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, H, Thành phố Hà Nội ngày 13/3/2018, đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh chị không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn không thể hòa giải. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cách sống không phù hợp, anh N không quan tâm đến chị Á dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung nên cuộc sống không hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2018 đến nay. Hiện anh N đang đi cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số E Hà Nội, tại địa chỉ F P, X, quận N, Thành phố Hà Nội.

Xét thấy: Mâu thuẫn giữa chị Á và anh N đã kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu kéo dài sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống riêng của hai bên. Chị Á xin ly hôn, anh N cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Á và anh N là phù hợp với Điều 55 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2 Về con chung: Chị Á, anh N không có con chung, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xét.

2.3 Về tài sản chung gồm động sản và bất động sản: Chị Á và anh N trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Toà án không xét.

2.4 Về vay nợ chung: Chị Á và anh N trình bày không vay nợ ai, không ai vay nợ anh chị, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Toà án không xét.

[3]. Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát quận H: Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Á phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Căn cứ vào Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326 Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc Á và anh Nguyễn Xuân Đức N.

2. Về con chung: Anh chị không có con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Toà án không xét.

3. Về tài sản chung gồm động sản và bất động sản: Chị Á và anh N trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Toà án không xét.

4. Về vay nợ chung: Chị Á và anh N trình bày không vay nợ ai, không ai vay nợ anh chị, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Toà án không xét.

5. Án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Á phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 898687 ngày 10/01/2024; Biên lai số 0006228 ngày 11/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Chị Á có mặt tại phiên toà, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh N vắng mặt tại phiên toà, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-VKSNDQ Hoàn Kiếm;
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự Q. Hoàn Kiếm;
- UBND P. Đồng Xuân;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Lan Hương